

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/DSST
Ngày 04/8/2023
“V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Thắng và bà Nguyễn Thị Phẩm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Yên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐST-DS ngày 20/6/2023 và các thông báo mở lại phiên tòa giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV tài chính T

Trụ sở: Phòng 04 - 05, tầng 12, Saigon centre tòa 2, số 67 Lê Lợi, phường B, quận I, thành phố H.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên.

Đăng ký lần đầu: ngày 09/10/2008.

Đăng ký thay đổi lần thứ: 13 ngày 26/02/2023.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Bích H - chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu T - nhân viên phòng Thu nợ.

Có mặt

Bị đơn: Vợ chồng ông Lê Văn K, sinh năm 1998 và bà Trần Thị Thanh H, sinh năm 1989.

Đều có địa chỉ: Khu 3, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

(bà Trần Thị Thanh H hiện đang xuất khẩu lao động tại Đài Loan).

Anh K có mặt, chị H vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH MTV tài chính T trình bày:

Ngày 21/11/2019, công ty TNHH MTV Tài chính T có giao kết 01 hợp đồng tín dụng số 10000404037 với ông Lê Văn K (sinh năm 1988) và bà Trần Thị Thanh H (sinh năm 1989), ông K và bà H cùng cư trú tại khu 3, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ, cụ thể như sau:

Số tiền vay: 390.000.000đ (Ba trăm chín mươi triệu đồng chẵn); mục đích vay: Mua xe ô tô Vios, BKS 19A27084 đồng thời chiếc xe ô tô này là tài sản thế chấp cho bên vay trong suốt thời gian vay; thời gian vay: 84 tháng. lãi suất vay: 3,99%/năm, lãi suất này được điều chỉnh 03 tháng/lần, hiện nay lãi suất đang áp dụng là 10,85% năm. Ngoài ra nếu bên vay không thanh toán đúng hạn sẽ phải chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Từ sau khi giao kết Hợp đồng tín dụng, ông K, bà H chỉ thanh toán cho công ty Tài chính T đến kỳ thanh toán tháng 11/2019, mặc dù đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng ông K và bà H vẫn không thanh toán khoản vay. Tính đến ngày 11/7/2022, ông K và bà H còn nợ số tiền là 482.319.230đ, trong đó nợ gốc là 384.000.000đ, lãi là 78.464.968đ, lãi quá hạn là 19.854.262đ. Để quyền và lợi ích hợp pháp của công ty được đảm bảo, công ty TNHH MTV Tài chính T đề nghị quý tòa:

Buộc ông Lê Văn K và bà Trần Thị Thanh H thanh toán ngay toàn bộ số tiền tính đến ngày 11/7/2022 là: 482.319 2304 và số tiền lãi phát sinh tương ứng theo lãi suất quá hạn được quy định trong hợp đồng cho đến khi hết nợ.

Nếu ông K và bà H không thanh toán số tiền nêu trên, đề nghị quan có thẩm quyền kê biên phát mãi tài sản bảo đảm của khoản vay là 01 chiếc xe ViosE, BKS 19A-27084 để cầm trả cho nghĩa vụ trả nợ của ông K và bà H.

Nay chị H – vợ anh K đi lao động tại Đài Loan mà anh K không cung cấp được địa chỉ cụ thể nên không thể cung cấp cho Tòa án được.

Tại bản khai bổ sung ngày của ông Nguyễn Hữu T là đại diện theo ủy quyền cho Công ty TNHH Một thành viên Tài chính T trình bày:

Từ sau khi giao kết hợp đồng tín dụng với nội dung nêu trên, ông Lê Văn K và bà Trần Thị Thanh H chỉ thanh toán cho Công ty TNHH Một thành viên Tài chính T một lần duy nhất vào ngày 20/01/2020 với số tiền 6,000,000đ (sáu triệu đồng). Số tiền này được trừ vào dư nợ gốc. Tính đến thời điểm ngày 20/01/2020 dư nợ gốc còn lại theo Hợp đồng tín dụng số 1000404037 là 384,000,000đ (ba trăm tám mươi bốn triệu đồng). Trong khoảng thời gian từ khi bắt đầu thực hiện Hợp đồng tín dụng

này, ông Lê Văn K và bà Trần Thị Thanh H chưa thanh toán tiền lãi và tiền lãi quá hạn cho Công ty TNHH Một thành viên Tài chính T cụ thể như sau:

Lãi suất theo Hợp đồng tín dụng số 1000404037 là 3,99%/năm tính từ ngày 21/12/2019 đến hết ngày 21/05/2020 là 06 tháng tương ứng với 152 ngày. Số tiền lãi là 7,528,766 (Bảy triệu năm trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi sáu đồng), lãi quá hạn là 6.825,711đ (Sáu triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn bảy trăm mười một đồng).

Từ ngày 22/05/2020 đến hết ngày 21/08/2020 là 03 tháng tương ứng 91 ngày. Lãi suất điều chỉnh là 11,00%/năm. Số tiền lãi là 9,912,056đ (Chín triệu chín trăm mười hai nghìn không trăm năm mươi sáu đồng), lãi quá hạn là 5,453,544đ (Năm triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn năm trăm bốn mươi tư đồng).

Từ ngày 22/08/2020 đến thời điểm 17/07/2023 là 35 tháng tương ứng với 1029 ngày. Lãi suất điều chỉnh là 10,85%/năm. Số tiền lãi là 84,965,385đ (Tám mươi tư triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn ba trăm tám mươi lăm đồng), lãi quá hạn là 25,185,069 (Hai mươi lăm triệu một trăm tám mươi lăm nghìn không trăm sáu mươi chín đồng). -

Công ty TNHH Một thành viên Tài chính T có các yêu cầu đối với bị đơn – ông Lê Văn K và bà Trần Thị Thanh H như sau:

Yêu cầu ông Lê Văn K và bà Trần Thị Thanh H thanh toán số tiền theo bảng liệt kê bên dưới (số liệu được cập nhật đến ngày 17/07/2023) và số tiền lãi phát sinh tương ứng theo lãi suất chậm trả được quy định theo Hợp đồng tín dụng từ ngày 17/07/2023 cho đến khi ông Lê Văn K và bà Trần Thị Thanh H thanh toán toàn bộ khoản tiền theo yêu cầu:

Tiền gốc 384,000,000đ; tiềnlãi trong hạn102,406,207đ;tiền lãi quá hạn39,125,327đ. Tổng cộng 525,558,534đ.

Nếu ông Lê Văn K và bà Trần Thị Thanh H không có khả năng thanh toán số tiền nêu trên, Công ty TNHH Một thành viên Tài chính T có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên phát mãi tài sản bảo đảm cho khoản vay của ông Lê Văn K và bà Trần Thị Thanh H tại Công ty TNHH Một thành viên Tài chính T là 01 xe ô tô Toyota VIOS E, số khung: RL4B23F3XK5079948, số máy: 2NRX519448, BKS: 19A-270.84 để cân trừ vào nghĩa vụ trả nợ của ông Lê Văn K và bà Trần Thị Thanh H cho Công ty TNHH Một thành viên Tài chính T.

Những yêu cầu trên của Công ty TNHH Một thành viên Tài chính T là hoàn toàn phù hợp với những quy định tại 01 Hợp đồng tín dụng số 1000404037 ký ngày 21/11/2019 được nêu chi tiết tại các Điều 6, 12,17; đồng thời những quy định này cũng phù hợp với những quy định tại Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 13, Điều 26 của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN của Thống

độc Ngân hàng Nhà nước ngày 31/12/2001, khoản 4 Điều 1 của Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ngày 31/12/2001.

Bị đơn là ông Lê Văn K trình bày:

Vào ngày 23/11/2019 ông và vợ ông là bà Trần Thị Thanh H có vay Công ty tài chính Toyota số tiền 390.000.000đ để mua chiếc xe ô tô Vios. Số nợ gốc hiện nay là 384.000.000đ. Hai bên đã thỏa thuận trả góp trong vòng 84 tháng. Thời gian vừa qua ông gặp nhiều khó khăn nên ông không thể trả nợ đúng theo những gì đã thỏa thuận với bên Công ty. Vì vậy ông mong bên Công ty Tài chính T cho ông được trả nợ dần số tiền đã vay của công ty.

Hiện tại vợ ông là bà Trần Thị Thanh H đang đi lao động ở Đài Loan, còn địa chỉ cụ thể thì ông không nắm bắt được. Ông đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án yêu cầu ông cung cấp địa chỉ của bà H tại Đài Loan và Thông báo về phiên tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng do ông bận việc nên không đến được và tạm thời chưa cung cấp được địa chỉ của bà H.

Để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Quyết định trưng cầu giám định chữ viết và chữ ký của chị Trần Thị Thanh H trên “Đơn đề nghị cấp tín dụng-Hợp đồng tín dụng” trong hợp đồng tín dụng giữa Công ty TNHH MTV tài chính T với ông Lê Văn K và bà Trần Thị Thanh H ký kết ngày 21/11/2019.

Tại bản Kết luận giám định số 807/KLGD-PC09 ngày 15/6/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ kết luận:

Chữ ký dạng chữ viết “Huyền” và các chữ “Trần Thị Thanh H” dưới mục (Người cùng vay) trên Đơn đề nghị cấp tín dụng – Hợp đồng tín dụng” (tài liệu cần giám định ký hiệu A) so với chữ ký dạng chữ viết “Huyền” và các chữ “Trần Thị Thanh H” (Người đề nghị) trên “Tờ khai dùng cho công dân Việt Nam đề nghị cấp sửa đổi hộ chiếu phổ thông ở trong nước” (tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M) là không phải do cùng một người ký và viết ra.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH MTV tài chính T xuất trình Lệnh chuyển tiền của Công ty TNHH MTV tài chính T cho Công ty TNHH TOYOTA T số tiền 390.000.000đ để cho anh K mua xe ô tô và Hợp đồng mua bán xe ô tô ngày 14/11/2019 giữa anh Lê Văn K và Công ty TNHH TOYOTA T.

Do phiên tòa ngày 04/8/2023, anh Lê Văn K trình bày đi chiếc xe ô tô anh vay tiền Công ty TNHH MTV tài chính T để mua và thế chấp với Công ty. Hội Đồng xét xử tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ chiếc xe trên và xác định và xác định chiếc xe ô tô trên có nhãn hiệu Toyota VIOS E, màu sơn nâu vàng có số khung

3F3XK5079948, số máy: 2NRX519448, biển đăng ký số: 19A-270.84 (đã qua sử dụng).

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH MTV tài chính T có quan điểm do kết luận giám định không phải chữ viết và chữ ký của chị H trong Đơn đề nghị cấp tín dụng – Hợp đồng tín dụng ký kết với Công ty TNHH MTV tài chính T nhưng anh K là người ký với công ty và Công ty là người chuyển tiền đến Công ty TNHH TOYOTA T cho anh K mua xe nên đề nghị anh K phải có trách nhiệm trả toàn bộ số gốc và lãi đến ngày xét xử 04/8/2023, số tiền gốc 384,000,000đ; tiền lãi trong hạn 103,405,427đ; tiền lãi quá hạn 40,328,801đ. Tổng cộng 527,644,328đ.

Phía anh K có quan điểm do kết luận giám định không phải chữ viết và chữ ký của chị H trong Đơn đề nghị cấp tín dụng – Hợp đồng tín dụng ký kết với Công ty TNHH MTV tài chính T, Công ty đã chuyển tiền đến Công ty TNHH TOYOTA T và anh đã trực tiếp đứng ra ký hợp đồng mua xe của Công ty TNHH TOYOTA T nên anh có trách nhiệm trả khoản tiền vay cho Công ty TNHH MTV tài chính T như Công ty yêu cầu, do điều kiện kinh tế khó khăn nên anh trả số tiền gốc 384,000,000đ và xin được trả dần, còn khoản tiền lãi anh xin Công ty miễn cho anh không phải trả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ có quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ Điều 25 Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 47 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV tài chính T.

Buộc anh Lê Văn K phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV tài chính T số tiền gốc 384.000.000đ; lãi trong hạn 103.405.427đ; lãi quá hạn 40.238.801đ. Tổng gốc cộng lãi 527.644.228đ.

Nếu anh K không có khả năng thanh toán khoản vay trên thì Công ty TNHH MTV tài chính T có quyền đề nghị Cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là 01 chiếc xe ô tô VIOS, biển kiểm soát: 19A-270.84.

Kể từ ngày 05/8/2023, anh K còn phải thanh toán số tiền chậm trả theo mức lãi xuất ghi trong hợp đồng tín dụng với Công ty TOYOTA cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Về án phí: Anh K phải chịu 25.105.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV tài chính T kiện ông Lê Văn K và bà Trần Thị Thanh H trả số tiền gốc và lãi theo Đơn đề nghị cấp tín dụng – Hợp đồng tín dụng hợp đã ký kết. Do đó xác định đây là “Tranh chấp hợp vay tài sản”. Bị đơn ông Lê Văn K và bà Trần Thị Thanh H có Hộ khẩu thường trú tại huyện T, tỉnh Phú Thọ. Chị H hiện đang tại nước ngoài, do vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn là chị Trần Thị Thanh H đang đi lao động ở Đài Loan nhưng có tình đầu địa chỉ, căn cứ Công văn số 253/TANDTC – PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về tố tụng: Tòa án đã hòa giải nhưng các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau. Do vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa ngày 17/7/2023, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử ra Quyết định hoãn phiên tòa và ấn định mở phiên tòa ngày 04/8/2023, tại phiên tòa ngày 04/8/2023, bị đơn là chị Trần Thị Thanh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt lần 2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

[3] Về nội dung vụ án:

Ngày 21/11/2019, công ty TNHH MTV Tài chính T có giao kết 01 đơn đề nghị cấp tín dụng - Hợp đồng tín dụng số 10000404037 với ông Lê Văn K và bà Trần Thị Thanh H, theo đó vợ chồng ông K bà H vay số tiền gốc: 390.000.000đ, mục đích vay mua xe ô tô Vios, BKS 19A27084 đồng thời chiếc xe ô tô này là tài sản thế chấp cho bên vay trong suốt thời gian vay, thời gian vay 84 tháng, lãi suất vay 3,99%/năm, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần. Ngoài ra nếu bên vay không thanh toán đúng hạn sẽ phải chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Từ sau khi giao kết Hợp đồng tín dụng, ông K, bà H thanh toán cho Công ty Tài chính T một lần duy nhất vào ngày 20/01/2020 với số tiền 6,000,000đ, số tiền này được trừ vào dư nợ gốc. Tính đến thời điểm ngày 20/01/2020 dư nợ gốc còn lại theo Hợp đồng tín dụng số 1000404037 là 384,000,000đ. Sau đó vợ chồng ông K bà H

không trả gốc lãi cho công ty dẫn đến công ty khởi kiện yêu cầu ông K bà H trả số tiền gốc 384,000,000đ và lãi phát sinh theo hợp đồng.

Xét đơn đề nghị cấp tín dụng - Hợp đồng tín dụng số 10000404037 giữa công ty TNHH MTV Tài chính T với ông Lê Văn K và bà Trần Thị Thanh H ký kết với nhau ngày 21/11/2019, ông K bà H vay 390.000.000đ để mua xe ô tô và có thể chấp chiếc xe ô tô để đảm bảo tiền vay có chữ ký chữ viết của ông K và bà H, do bà H hiện đang lao động tại Đài Loan không có địa chỉ cụ thể nên không có lời khai của bà H. Tòa án đã trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết của bà H trong đơn đề nghị cấp tín dụng - Hợp đồng tín dụng số 10000404037 giữa Công ty TNHH MTV Tài chính T và ông K, bà H với tờ khai dùng cho công dân Việt Nam đề nghị cấp sửa đổi hộ chiếu phổ thông ở trong nước đề ngày 14 tháng 9 năm 2017 đứng tên Trần Thị Thanh H lưu giữ tại Phòng xuất nhập cảnh Công an tỉnh Phú Thọ và xác định chữ ký và chữ viết của chị H trong đơn đề nghị cấp tín dụng - Hợp đồng tín dụng số 10000404037 giữa công ty TNHH MTV Tài chính T và ông K, bà H với tờ khai dùng cho công dân Việt Nam đề nghị cấp sửa đổi hộ chiếu phổ thông ở trong nước đề ngày 14 tháng 9 năm 2017 đứng tên Trần Thị Thanh H lưu giữ tại Phòng xuất nhập cảnh Công an tỉnh Phú Thọ không phải do một người ký và viết ra. Như vậy trong đơn đề nghị cấp tín dụng - Hợp đồng tín dụng số 10000404037 giữa công ty TNHH MTV Tài chính T với ông K, bà H là không phải do bà H ký và viết ra, do vậy đơn đề nghị cấp tín dụng - Hợp đồng tín dụng số 10000404037 giữa Công ty TNHH MTV Tài chính T với ông K và bà H bị vô hiệu một phần (phần của chị H bị vô hiệu), phần của anh K có hiệu lực. Tại phiên tòa, Công ty TNHH MTV Tài chính T và ông K đều có quan điểm ông K là người có trách nhiệm đứng ra trả khoản tiền gốc và lãi cho Công ty nhưng ông kháng xin trả số tiền gốc và xin trả dần, còn khoản tiền lãi ông xin Công ty cho miễn không phải trả, phía Công ty không nhất trí và yêu cầu phải trả số tiền gốc và lãi theo hợp đồng. Để đảm bảo quyền lợi của Công ty cần buộc ông K phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền gốc và lãi theo đơn đề nghị cấp tín dụng - Hợp đồng tín dụng số 10000404037 giữa công ty TNHH MTV Tài chính T với ông K và bà H là 3,99%/năm tính từ ngày 21/12/2019 đến hết ngày 21/05/2020. Từ ngày 22/05/2020 đến hết ngày 21/08/2020 lãi suất điều chỉnh là 11,00%/năm. Từ ngày 22/08/2020 đến ngày xét xử 04/8/2023 lãi suất điều chỉnh là 10,85%/năm. Tổng số tiền lãi trong hạn 103.405.427đồng; tiền lãi quá hạn là 40.238.801đồng (theo bảng chi tiết tính lãi trong hồ sơ) là phù hợp. Kể từ ngày 05/8/2023 ông K tiếp tục phải trả lãi theo đơn đề nghị cấp tín dụng - Hợp đồng tín dụng số 10000404037 giữa công ty TNHH MTV Tài chính T với ông K cho đến khi trả hết số tiền trên.

Đối với chiếc xe ô tô BKSToyota VIOS E, số khung: RL4B23F3XK5079948, số máy: 2NRX519448, BKS: 19A-270.84 ông K thế chấp để đảm bảo cho khoản

tiền vay. Tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm; trường hợp ông K không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Công ty TNHH MTV Tài chính T có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí: Công ty TNHH MTV Tài chính T xin tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giám định và chi phí tố tụng nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của công ty TNHH MTV Tài chính T được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Văn K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 317, Điều 318, Điều 320, Điều 323, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95, Điều 108 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 2 Điều 26, Điều c mục 1.3 khoản 1 phần II danh mục án phí Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Tài chính T.

Tuyên bố đơn đề nghị cấp tín dụng - Hợp đồng tín dụng số 10000404037 giữa Công ty TNHH MTV Tài chính T với ông Lê Văn K và bà Trần Thị Thanh H vô hiệu một phần. (phần của bà Trần Thị Thanh H bị vô hiệu).

Buộc ông Lê Văn K phải có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH MTV Tài chính T số tiền gốc 384.000.000đ; tiền lãi tính đến hết ngày 04/8/2023, trong đó lãi hạn 103.405.427đ; lãi quá hạn 40.238.801đ. Tổng gốc cộng lãi 527.644.228đ (năm trăm hai mươi bảy triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn hai trăm hai mươi tám đồng).

Nếu ông K không có khả năng thanh toán khoản vay trên thì Công ty TNHH MTV tài chính T có quyền đề nghị Cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là 01 chiếc xe ô tô BKSToyota VIOS E, số khung: RL4B23F3XK5079948, số máy: 2NRX519448, BKS: 19A-270.84 đăng ký xe đứng tên ông Lê Văn K.

Kể từ ngày 05/8/2023, ông K còn phải thanh toán số tiền chậm trả theo mức lãi xuất ghi trong đơn đề nghị cấp tín dụng - Hợp đồng tín dụng số 10000404037 đã ký kết với Công ty TOYOTA cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên.

2. Về án phí: Buộc ông Lê Văn K phải chịu 25.105.000đ (hai mươi lăm triệu một trăm linh năm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Công ty TNHH MTV Tài chính T 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp (theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số

AA/2020/0002152 ngày 04/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trong hạn 30 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật, bị đơn là chị H có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Toàn